

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM NHÂN CÁCH NGƯỜI VIỆT NAM HIỆN NAY

*Phạm Minh Hạc**
*Vũ Minh Chi***

Tìm hiểu tâm lý dân tộc hay những nét truyền thống của người Việt Nam là mối quan tâm chung của nhiều nhà nghiên cứu từ trước đến nay song đi sâu nghiên cứu nhân cách người Việt Nam một cách hệ thống với quy mô nhất định thì phải là sau Đổi mới (1986), nhất là từ sau Đại hội Đảng lần thứ VI, khi mà vấn đề con người lần đầu tiên được đưa lên vị trí “hàng đầu”, “vừa là mục tiêu vừa là động lực”, là “yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững”, là “nhân tố quyết định sự phát triển đất nước trong thời kỳ CNH, HĐH”¹. Bài viết này sẽ tập trung vào việc tổng kết rút ra một số đặc điểm nhân cách người Việt Nam hiện nay trên cơ sở phân tích một vài kết quả nghiên cứu nhân cách được tiến hành từ sau Đổi mới trở lại đây, cụ thể là tập trung vào các đề tài nghiên cứu cấp nhà nước².

1. Một số yếu tố ảnh hưởng đến nhân cách người Việt Nam

Như chúng ta đã biết, Đổi mới giống như một luồng gió mới thổi vào căn nhà

dóng kín đã lâu, làm xáo trộn mọi điều, bắt đầu từ những yếu tố kinh tế vật chất (như “giá - lương - tiền”) cho đến những yếu tố tinh thần, tư tưởng (đa dạng về văn hóa) và cả tình cảm của mỗi một con người bấy lâu đã quen với nếp sống đóng kín, theo lối mòn, ít thay đổi. Thông qua chính sách mở cửa và hội nhập, người Việt Nam như bị cuốn vào trong cơn bão của những thành tựu khoa học vĩ đại của loài người với kỹ thuật điện tử viễn thông, công nghệ cao trong sinh học... Đặc biệt sự biến đổi sang nền kinh tế thị trường (KTTH) đã kéo theo biết bao thay đổi trong hệ giá trị và quan điểm giá trị, như KX07 đã mô tả và phân tích là “đảo lộn”, “khủng hoảng”. Ngay trong thời điểm hiện nay, bên cạnh những mặt tích cực mang lại sự biến đổi năng động đi lên của đất nước, những ảnh hưởng tiêu cực của quy luật giá trị trong nền KTTH cũng mang lại những biến dạng trong môi trường văn hóa và nhân cách con người³. Những yếu tố đa dạng, đa chiều, đan xen lẫn lộn này vừa là cơ hội, cũng vừa là thách thức đối với nhân cách Việt Nam truyền thống, nói khác đi, chúng ta luôn phải đối mặt với vấn đề *kế thừa di sản nào, giữ gìn và biến đổi giá trị nhân*

* GS.TSKH., Viện Nghiên cứu Con người.

** TS., Viện Nghiên cứu Con người.

¹ Văn kiện Đại hội IX DCS Việt Nam. Nxb. CTQG, Hà Nội, 2001, tr.112.

² Đó là những nghiên cứu trong khuôn khổ các đề tài nghiên cứu cấp nhà nước thuộc 3 chương trình Khoa học Công nghệ KX07, KHXH04 và KX05 được tiến hành có hệ thống suốt từ 1990 đến nay.

³ Phạm Minh Hạc. *Vấn đề nghiên cứu con người và nguồn nhân lực đầu thế kỷ XXI*. Tạp chí Nghiên cứu Con người số 4/2004, tr. 9.

cách ra sao để có thể đáp ứng yêu cầu của CNH, HĐH đất nước, yêu cầu của xu hướng toàn cầu hóa, thị trường hóa theo định hướng XHCN. Quá trình đi tìm câu trả lời cho những vấn đề luôn mới này hay đúng hơn là quá trình tìm cách thích ứng với yêu cầu đặt ra gay gắt của thời đại như vậy đã tác động, thay đổi và tạo ra những nét tính cách, giá trị nhân cách đa dạng hơn ở người Việt Nam hiện nay.

2. Một vài đặc điểm nhân cách của người Việt Nam hiện nay

2.1. Nhận thức các vấn đề chính trị, xã hội, văn hóa

Trước hết, đối với các vấn đề chính trị như lý tưởng phấn đấu, con đường phát triển của đất nước, xu thế của thời đại và những vấn đề mang tính quy mô toàn cầu như vấn đề môi trường, đa số người Việt Nam đều có những nhận thức phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước. Về lý tưởng phấn đấu do Đảng đề ra là “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh”, trên 70% học sinh, sinh viên và người lao động (72,2%, 71,2%, 75,1%) đều coi đó chính là mục tiêu phấn đấu của bản thân. Đa số (84,5%, 76,3%, 87,5%) nhận thức rằng Đảng đã rất sáng suốt khi thực hiện đường lối cải cách kinh tế, ổn định chính trị theo định hướng XHCN (Đổi mới), và công nhận từ khi có Đổi mới, đời sống của người dân đã không ngừng được nâng cao (71,3%, 80,7%, 74,3%). Tuyệt đại bộ phận người Việt Nam coi tinh thần yêu nước và niềm tự hào dân tộc như một giá trị đạo đức quan trọng của con người (91,5%, 93,8%, 87,8%), họ cũng cho rằng nền văn hóa Việt Nam là một nền văn hóa thực sự mang bản sắc riêng rất đáng tự hào

(92,4%, 91,6%, 90,5%). Tuy nhiên cũng cần lưu ý rằng có một số không nhỏ (41,7%, 40,2%, 46,6%) nhận thức về đường lối định hướng XHCN khác với nhận thức của số đông là: Chỉ cần xã hội ổn định về chính trị, kinh tế phát triển, bớt tiêu cực, còn phát triển theo định hướng XHCN hay không thì không quan trọng.

Đối với một xu thế rất phổ biến của thời đại có ảnh hưởng to lớn tới sự phát triển của đất nước và cuộc sống từng người dân là mở cửa, hội nhập quốc tế, người Việt Nam nhìn chung đều có nhận thức theo chiều hướng tán đồng. Đa số (89%, 94%, 81,4%) coi quốc tế hoá và toàn cầu hoá, mở cửa, hội nhập với các nước trong khu vực và thế giới là một xu thế tất yếu mà mỗi người đều phải học cách thích nghi. Hầu hết học sinh, sinh viên đều nhận thức được vai trò và ý nghĩa to lớn của việc học tập, nâng cao trình độ trong thời đại hiện nay, thể hiện ở những quan niệm về học tập như coi nỗ lực học tập là cách tốt nhất để chuẩn bị cho tương lai (kết quả khảo sát học sinh, sinh viên cho thấy có đến 94% nhận thức như vậy, gần 70% xem học suốt đời là cách tốt nhất để thích ứng với yêu cầu của xã hội trong khi kết quả khảo sát khác (N=1.564) cho thấy có 48,3% số người cho rằng học suốt đời là 1 điều kiện (thứ 4 trong số 16 điều kiện) để trở thành người tài), coi tự học là tiêu chuẩn quan trọng của con người trong thời kỳ CNH, HĐH (89,8%, 94,3%), tin rằng có ý thức học tập suốt đời sẽ có nhiều cơ hội thành công hơn trong xã hội hiện nay (84,3%, 89,3%). Đối với những năng lực mới đáp ứng với yêu cầu của thời đại mới (hội nhập quốc tế và kinh tế tri thức) nhiều người nhận thức được

tầm quan trọng của những công cụ phục vụ cho năng lực: Trên 60% xem tiếng Anh là công cụ quan trọng không thể thiếu, trên 50% coi máy tính là phương tiện quan trọng không thể thiếu, trên 70% xem giỏi ngoại ngữ là một mục tiêu phấn đấu rất quan trọng của bản thân.

Đối với việc sống và làm việc theo pháp luật - một tiêu chí cơ bản quan trọng xác định một xã hội công dân - có thể nói tuyệt đại bộ phận người Việt Nam (94,8%, 96,4%, 90,3%) đều nhận thức được tầm quan trọng của tiêu chí này (kết quả một cuộc điều tra khác cho thấy 98,8% số người được hỏi là công nhân, nông dân và doanh nhân đều cho rằng "mọi người phải biết sống và làm việc theo pháp luật").

Đối với một vấn đề mang tính toàn cầu hiện nay là vấn đề môi trường, đại đa số (90%) người lao động nhận thức rằng CNH, HĐH phải đi đôi với bảo vệ môi trường (73,3% phản đối nhận định Việt Nam cần ưu tiên phát triển kinh tế hơn bảo vệ môi trường), thậm chí nhiều người (66,8%) còn cho rằng cần ưu tiên bảo vệ môi trường ngay cả khi điều đó làm chậm tốc độ phát triển kinh tế. Đây là một dấu hiệu đáng mừng chứng tỏ ý thức bảo vệ môi trường của người Việt Nam khá cao so với trình độ phát triển kinh tế, bởi theo kết quả điều tra đối tượng người Việt Nam sống ở nước ngoài thì có tới gần 60% (N=400) có nhận thức rằng "cần chinh phục tự nhiên vì lợi ích của con người" (điều này theo một nghĩa nào đó là theo chủ nghĩa con người là trung tâm, ưu tiên phát triển kinh tế hơn là bảo vệ môi trường).

2.2. Thái độ (nhu cầu, tình cảm) đối với cuộc sống

Trên cơ sở nhận thức các vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội như đã nêu ra ở trên, thái độ của đa số người Việt Nam đối với các vấn đề và các mối quan hệ trong cuộc sống nhìn chung là tích cực. Đa số học sinh, sinh viên (80,4%, 87,5%) đều mong mỗi được góp sức xây dựng đất nước, sẵn sàng chiến đấu cho Tổ quốc khi có chiến tranh xảy ra (90,3%). Khá nhiều người (59,1%, 79,4%, 76,5%) quan tâm các chương trình thời sự trong nước và quốc tế. Tuy nhiên, vẫn có một thiểu số (22%) tỏ ra có lệch lạc trong nhận thức, thiếu nhiệt tình và niềm tin vào đường lối phát triển kinh tế thị trường theo định hướng XHCN, và khá nhiều người (71,5%, 62,3%, 79,3%) chỉ mong muốn làm người tốt, chứ không coi trọng mục tiêu phấn đấu vào Đảng. Có 12% còn có mặc cảm tự ti đối với văn hóa Việt Nam khi có dịp tiếp xúc với văn hóa nước ngoài, một số khá đông có nhu cầu được ra nước ngoài sinh sống, muốn có quốc tịch của các nước phát triển.

Trên cơ sở nhận thức đúng đắn về tôn trọng luật pháp, thái độ đối với pháp luật trước hết thể hiện trong thái độ, hành vi chấp hành luật lệ giao thông của đa số là tích cực: (72,5%, 73,4%, 75,6%) cảm thấy ân hận mỗi khi vi phạm một điều qui định chung nào đó; (64,9%, 74,7%, 79,6%) cho rằng mình là người nghiêm chỉnh chấp hành luật pháp, chỉ có một thiểu số (26,3%, 24,4%, 53%) nhiều lần làm nỡ khi thấy người khác làm sai luật pháp, còn có 7,8% học sinh và 10,6% sinh viên thừa nhận nếu không nhìn thấy cảnh sát giao thông làm nhiệm vụ, sẵn sàng vượt đèn đỏ. Tuy nhiên, so với kết quả điều tra 5 năm trước thì tỉ lệ này cho thấy một sự tiến

bộ trong thái độ tôn trọng luật lệ giao thông, bởi theo kết quả đó thì có trên 30% học sinh sẵn sàng vượt đèn đỏ khi vắng bóng cảnh sát giao thông, và chỉ có gần 40% cho rằng mình là người nghiêm chỉnh chấp hành luật pháp.

Nhìn chung người Việt Nam có thái độ tích cực đối với cuộc sống, lạc quan với cuộc đời và quan hệ tốt với mọi người xung quanh: đa số (77,9%, 79,8%, 81,4%) cảm thấy gần gũi thân thiện với những người xung quanh mình, (58%, 67,7%, 67%) cảm thấy mình được yêu mến và được tin cậy, 55% muốn có ích cho người khác. Tuy nhiên kết quả khảo sát doanh nhân cho thấy 53,5% cho rằng “nếu có dịp người ta sẽ lợi dụng mình”, khảo sát trí thức và công nhân cho thấy 86,6% cho rằng “nên thận trọng khi tiếp xúc với người khác”

Đối với tương lai, nhiều người (52,8%, 68,3%, 69,8%) tin rằng tương lai của bản thân sẽ tốt đẹp, trong đó 80,0% người lao động được khảo sát khẳng định những gì tốt đẹp nhất của cuộc đời đang chờ họ ở phía trước, 73,6% cảm thấy vui vẻ với cuộc đời, và 63% học sinh, sinh viên tin rằng mình không phải là người thất bại trong cuộc sống. Đa số (82,4%, 88,7%, 75,6%) nhận thức được rằng thích ứng và cạnh tranh là hai năng lực cốt lõi của người lao động trong thời kỳ CNH, HĐH; có đến trên 70% thích tìm hiểu và làm chủ công nghệ mới (thông tin); 62% có nhu cầu sử dụng internet vào mục đích học tập hoặc công việc,

Đối với xu thế toàn cầu hóa, mở cửa và hội nhập, mặc dù đa số có xu hướng tán thành: gần 78% cho rằng bản thân đang tích cực chuẩn bị để sẵn sàng thích nghi trên cơ sở tin rằng mở cửa và hội nhập tạo

ra những cơ hội và thách thức, song vẫn còn một bộ phận nhỏ (10,7%, 10,6%, 28,7%) tỏ thái độ phản đối xu hướng quốc tế hoá và toàn cầu hoá. Thậm chí có một số (15,6%, 11,3%, 20,5%) cảm thấy lo sợ hơn là hy vọng ở xu thế mở cửa và hội nhập của xã hội Việt Nam hiện nay và có một số nhỏ (10,3%, 7,3%, 15,5%) tỏ thái độ thờ ơ, không mong đợi gì ở xu thế mở cửa, hội nhập.

2.3. Năng lực thích ứng với yêu cầu của xã hội

Có thể nói so với nhận thức và thái độ, tỉ lệ người Việt Nam tự đánh giá có đủ năng lực đáp ứng tốt với yêu cầu của thời đại chưa cao, ví dụ chỉ có 65% cho rằng bản thân thường xuyên tự học nhằm mở rộng kiến thức và nâng cao kỹ năng, 62% tự khẳng định bản thân là người có nghị lực, 58% tin rằng có thể đương đầu với bất cứ vấn đề gì nếu xảy ra, 43% cho rằng mình luôn suy nghĩ mạch lạc và sáng tạo, đặc biệt là mặc dù nhận thức được tầm quan trọng của học tập song chỉ có 36,5% được những người xung quanh nhận xét là ham học, và chỉ có 47,2% tin rằng mình có khả năng tự học.

Hơn nữa, mặc dù như trên đã nói, đa số (82,4%, 88,7%, 75,6%) nhận thức được thích ứng và cạnh tranh là hai năng lực cốt lõi của người lao động trong thời kỳ CNH, HĐH, nhưng có tới 34,6% cảm thấy lúng túng, thiếu tự tin, cho rằng mình chưa được chuẩn bị tốt để thích ứng với một xã hội lấy cạnh tranh làm động lực phát triển, 62,5% tin rằng mình có khả năng dễ dàng điều chỉnh để thích nghi với hoàn cảnh mới, 62% tin rằng có thể thích ứng được với những biến đổi nhanh chóng của xã hội hiện nay. Hơn nữa tuy đa số (gần 78%) tin rằng mở cửa

và hội nhập tạo ra những cơ hội và thách thức, bản thân đang tích cực chuẩn bị để sẵn sàng thích nghi, song có đến trên 71% nhận thấy mình chưa được chuẩn bị tốt để thích ứng với một xã hội mở cửa và hội nhập, và chỉ có 20,8% người lao động cảm thấy vững tin trước những vấn đề mới lạ và 24,2% - nhận thấy mình đã được chuẩn bị tốt để đón nhận những thử thách mới trong tương lai..

Về khả năng đáp ứng với yêu cầu của thời đại thông tin và nền kinh tế tri thức như khả năng sử dụng máy vi tính, ngoại ngữ và làm chủ công nghệ mới, có thể nói rằng con số những người có khả năng chưa cao: chỉ có 62% biết sử dụng vi tính, 43% có khả năng sử dụng internet để tìm kiếm những thông tin mình cần.

Riêng đối với người lao động, hơn 50% có khả năng tìm và tự tạo việc làm, chỉ có 31,6% số người làm không hết việc và 19,4% - được nhiều nơi mời làm việc, còn 23,3% số người thiếu việc làm và 34,2% - lo mất việc.

Một vài nhận xét thay cho kết luận

1) Về mặt nhận thức, bị chi phối bởi nhiều luồng, nhiều kênh thông tin và thực tiễn cuộc sống cũng như nhu cầu bản thân đa dạng phức tạp hơn khiến cho người Việt Nam hiện nay *nhìn nhận* mọi vấn đề trong cuộc sống không đơn giản, một chiều, dựa trên sự thống nhất trọn vẹn về tư tưởng mà có phần xét đoán trên thực tế và chủ quan cá nhân. Bên cạnh đa số nhận thức theo hướng phù hợp với chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng, đã xuất hiện những nhận thức mang đậm tính chủ quan có thể dẫn đến thái độ và hành vi đi ngược lại với số đông.

2) Về mặt quan điểm, thái độ, hành vi, không đơn giản chỉ theo trực giác-sai, tích cực-tiêu cực, con người Việt Nam hiện nay dường như cũng trở nên phức tạp, đa dạng hơn: một mặt mong mỏi được góp phần xây dựng đất nước, sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc song mặt khác cũng trở nên cá nhân hơn, ưu tiên lợi ích cá nhân hơn, một mặt có nhận thức đúng đắn (về pháp luật, về môi trường, về người khác...) song mặt khác lại chưa có thái độ và hành vi phù hợp với nhận thức đó.

3) Về mặt năng lực, nhìn chung người Việt Nam hiện nay đều nhận thức được tầm quan trọng và có lòng nhiệt tình đối với việc nâng cao trình độ năng lực, song vì nhiều lý do: hoàn cảnh khách quan không có điều kiện, sức ỳ của tính thiếu kế hoạch, tính nóng vội trước mắt ít nhìn về lâu dài ... nhìn chung chỉ có một số nhỏ có được những năng lực phù hợp, còn đa số người lao động, ngay cả thế hệ sinh viên còn ngồi trên ghế nhà trường vẫn chưa đáp ứng được với yêu cầu của thời đại.

Tuy nhiên đây là những chuyển biến trong giai đoạn giao thời, điều quan trọng là những truyền thống quý báu của dân tộc như lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc, tinh thần ham học và nhất là ý chí bất khuất không chịu lùi bước trước bất cứ kẻ thù nào ngay cả đối với "giặc đói, giặc dốt", như Bác Hồ đã nói, trong giai đoạn hiện nay vẫn được phát huy, những điểm sáng vẫn xuất hiện khiến cho chúng ta có thể tin tưởng chắc chắn rằng người Việt Nam biết nhìn thẳng vào sự thật để nỗ lực cố gắng thì nhất định sẽ vươn lên cùng thời đại.